

HỘI CHĂN NUÔI VIỆT NAM

Số 82 /CV-HCN

V/v: phát triển nguồn nguyên liệu sữa
trong nước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: - Bộ trưởng Bộ Công Thương;

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Bộ trưởng Bộ Y tế.

Lời đầu tiên, thay mặt cộng đồng doanh nghiệp và người chăn nuôi Việt Nam, xin gửi tới Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Y tế lời kính chúc sức khỏe và sự cảm ơn vì những chia sẻ của các Quý Bộ tới sự phát triển của ngành và người chăn nuôi Việt Nam trong thời gian qua.

Thưa các Quý Bộ trưởng, khác với các nước phát triển, chăn nuôi Việt Nam, không chỉ nhằm đảm bảo an ninh dinh dưỡng cho đất nước, mà còn là sinh kế của hàng chục triệu người nông dân. Đây không chỉ là đặc thù, mà còn là lợi thế của nông nghiệp Việt Nam, nếu chúng ta biết khai thác hợp lý vấn đề này. Cụ thể, chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa giai đoạn 2000-2020 đã chứng minh, Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển được ngành chăn nuôi và chế biến sữa từ nguồn nguyên liệu trong nước bằng phương thức và cách làm riêng. Sự kết hợp hài hòa giữa chăn nuôi tập trung ở các công ty lớn và chăn nuôi chuyên nghiệp trong các nông hộ đã đưa tốc độ tăng trưởng đàn bò, sản lượng sữa tươi của Việt Nam liên tục ở mức cao, với hai con số/năm, đứng đầu các nước trong khu vực, đạt được đa mục tiêu: cung cấp các sản phẩm sữa tươi chất lượng cao cho người tiêu dùng và hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của ngành chăn nuôi trong nước, hứa hẹn Việt Nam sẽ có ngành công nghiệp sữa phát triển nhanh, bền vững trong khu vực.

Tuy nhiên, những năm gần đây, do thị trường sữa Việt Nam phát triển quá nóng, bùng nổ quá nhiều thương hiệu, sản phẩm sữa và từ sữa trên thị trường, nguyên liệu sữa nhập khẩu “ô ạt” gây nhiễu loạn thị trường, áp đảo nguồn nguyên liệu trong nước, dẫn đến thực trạng là, người tiêu dùng không biết lựa chọn sản phẩm sữa nào phù hợp và nguy hại hơn là tốc độ tăng trưởng của đàn bò sữa trong nước giảm sút rất nhanh, nhất là đàn bò trong khu vực chăn nuôi nông hộ, nhiều vùng chăn nuôi bò sữa truyền thống đang trên đà phá sản, như TP Hồ Chí Minh, Ba Vì, Mộc Châu... riêng đàn bò sữa của TP Hồ Chí Minh giảm trên 50% (cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

Để Việt Nam, thực sự có ngành sữa phát triển bền vững, như mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành sữa Việt Nam thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn 2045 mà Bộ Công Thương đang hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ, Hội Chăn nuôi Việt Nam kính đề nghị các Bộ liên quan, cần thống nhất quan điểm và giải pháp phát triển ngành sữa Việt Nam với một số nội dung sau:

1. Phát triển ngành sữa Việt Nam phải phát huy được những lợi thế trong nước, nhất là nguồn sữa tươi và nguyên liệu, phụ gia phong phú của ngành nông nghiệp nhiệt đới trong nước; hạn chế thấp nhất việc nhập khẩu các loại nguyên liệu mà trong nước có thể sản xuất được.

2. Cần phát triển chương trình dinh dưỡng (chương trình sữa) học đường bằng các sản phẩm sữa tươi, như kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã làm rất thành công, vừa giúp trẻ em có được nguồn dinh dưỡng tốt nhất, vừa thúc đẩy ngành chăn nuôi trong nước phát triển. Tiềm năng chăn nuôi gia súc cho sữa của Việt Nam, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu này.

3. Cần hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định minh bạch, rõ ràng, dễ phân biệt các sản phẩm sữa và từ sữa, **nhất là giữa sữa tươi với sữa nước**, để người tiêu dùng biết trong lựa chọn sử dụng và người sản xuất, kinh doanh, cơ quan quản lý thực hiện.

4. Đưa quy định, bắt buộc các cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa phải có vùng hoặc gắn với vùng nguyên liệu sữa nguyên liệu trong nước, hoặc phải sử dụng tối thiểu bao nhiêu % nguyên liệu sữa tươi trong nước (thường là từ 5-20%). Vì sữa tươi có lợi cho người tiêu dùng, nhưng ít lợi nhuận nhất đối với người kinh doanh, nên không chỉ các quốc gia có ngành sản xuất sữa phát triển, mà ngay ở các nước kém phát triển trong khu vực như Ấn Độ, Indonesia, Philippin, Thái Lan, Trung Quốc cũng đều có quy định này. Ví dụ, Philipin tại Đạo luật Cộng hòa số 7884 về phát triển ngành sữa quốc gia năm 1995, Mục 17 quy định, các nhà chế biến, kinh doanh sữa thương mại phải mua tối thiểu 5 % nguồn nguyên liệu sữa tươi trong nước. Doanh nghiệp mua vượt mức 5% sẽ được hưởng khoản tín dụng, thuế ưu đãi 10% giá trị của phần mua vượt mức này...

Hội Chăn nuôi Việt Nam kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Y tế có ý kiến chỉ đạo các cơ quan chức năng, thống nhất quan điểm và giải pháp phát triển toàn diện ngành sữa Việt Nam trong quá trình xây dựng Chiến lược và chính sách, pháp luật thực hiện Chiến lược ngành sữa Việt Nam, phát triển bền vững vì mục tiêu cao cả nhất cho sức khỏe cộng đồng và sản xuất trong nước.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TT. Trương Thanh Hoài Bộ CT (để b/c);
- TT. Phùng Đức Tiến Bộ NN & MT (để b/c);
- Cục Chăn nuôi và Thú y Bộ NN & MT (để b/c);
- Lưu VP.



TS. Nguyễn Xuân Dương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn Số 82 CV/HCN, ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Hội
Chăn nuôi Việt Nam)

1. Tăng trưởng đàn bò và sản lượng sữa nguyên liệu trong nước

TT	Chỉ tiêu	2010-2015	2015-2020	2020-2024
1	Tăng trưởng đàn bò sữa (%/năm)	15,4	1,9	0,4
2	Tăng trưởng sản lượng sữa (%/năm)	17,7	6,7	3,3
3	Năng suất sữa TB (kg/con/CK)	5.071	6.307	7.481

- Đàn bò sữa trong nước, sau một giai đoạn tăng trưởng mạnh ở mức 2 con số 15,4%/năm giai đoạn 2010-2015, đã giảm xuống rất nhanh, chỉ còn 1,9%/năm trong giai đoạn 2015-2020 và còn 0,4%/năm giai đoạn 2020-2024. Sự suy giảm này dẫn tới không đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành chăn nuôi, là đến năm 2025 tổng đàn bò sữa phải đạt khoảng 500.000 con (thực tế hiện nay mới chỉ đạt được khoảng 330.000 con, bằng 65%). Nếu không có sự điều chỉnh kịp thời thì đến năm 2030, tổng đàn bò sữa cả nước không thể đạt được mục tiêu kế hoạch là 650.000-670.000 con.

- Tương tự như đàn bò, tốc độ tăng trưởng về sản lượng sữa tươi nguyên liệu cũng giảm nhanh, từ 17,7%/năm giai đoạn 2010-2015, xuống còn 6,7%/năm giai đoạn 2015-2020 và chỉ còn 3,3%/năm giai đoạn 2020-2024. Nếu không có sự điều chỉnh kịp thời, thì đến năm 2030 không thể đạt được mục tiêu kế hoạch 2,6-2,8 triệu tấn sữa tươi, đảm bảo 25-26 kg sữa/người và chủ trương tự túc được 60% nguyên liệu cho ngành công nghiệp sữa cũng không thể thành hiện thực.

Nguyên nhân chính làm giảm tốc độ tăng trưởng đàn bò và sản lượng sữa tươi trong nước xuống nhanh thời gian qua, đặc biệt là từ năm 2020 trở lại đây, là do: (i) Lượng sữa nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam ngày càng tăng cao, trung bình tăng từ 8-12%/năm, có năm lên tới 20 %; (ii) Thị trường sữa và các sản phẩm từ sữa phát triển quá nóng, xuất hiện quá nhiều các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương hiệu sữa, gây “nhiều loạn” thị trường sữa, không chỉ ảnh hưởng đến người tiêu dùng mà còn là áp lực đến cả các doanh nghiệp, thương hiệu lớn trong việc duy trì giá cả và nguồn nguyên liệu trong nước; (iii) Dịch covid làm đứt chuỗi cung ứng, trong đó có nguồn nguyên liệu đầu vào của sản xuất chăn nuôi, làm tăng chi phí sản xuất, giá thành sữa tươi nguyên liệu của người chăn nuôi, trong khi việc thu mua sữa của các doanh nghiệp chế biến, gặp khó khăn, không cạnh tranh được với sữa nguyên liệu nhập

khâu...dẫn đến dồn mọi khó khăn cho người chăn nuôi, sữa làm ra không bán được, hoặc giá bán thấp không thể duy trì được sản xuất, nên phải giảm đàn hoặc ngừng chăn nuôi.

- Ngược lại với 2 chỉ tiêu trên, năng suất sữa của đàn bò trong nước tăng nhanh, từ trung bình khoảng 5 tấn/con/chu kỳ trong giai đoạn 2010-2015, đã lên trên 7 tấn/con/chu kỳ trong giai đoạn 2020-2024, là tốc độ tăng rất nhanh mà không phải nước nào cũng làm được. Với năng suất sữa trung bình toàn đàn như trên, đã đưa Việt Nam trở thành nước có năng suất bò sữa cao nhất trong khu vực.

Lý giải cho vấn đề năng suất bò sữa của Việt Nam tăng nhanh trong thời gian gần đây có 2 lý do chính: (i) Chất lượng con giống (nhất là tỷ lệ bò thuần, từ các giống cao sản tăng nhanh), chế độ dinh dưỡng, quản lý đàn bò ở trình độ thâm canh cao...phát huy tối đa tiềm năng của phẩm cấp, di truyền con giống trong khu vực chăn nuôi trang trại và công nghiệp của các công ty, tập đoàn lớn, như TH true MILK, Vinamilk...; (ii) Tỷ trọng đàn bò sữa nuôi tập trung, thâm canh trong các công ty, tập đoàn tăng, trong khi đàn bò sữa ở khu vực chăn nuôi nông hộ giảm nhanh, nhất là ở khu vực xung quanh TP. Hồ Chí Minh, nơi mà có thời điểm chiếm trên 60% tổng đàn bò sữa cả nước.

* Vấn đề đàn bò sữa của khu vực chăn nuôi nông hộ đang giảm nhanh, rất cần được tổng kết đánh giá nghiêm túc, để tìm ra giải pháp khôi phục đàn bò sữa ở khu vực này. Vì Việt Nam cần phát triển đàn bò sữa theo 2 phương thức, mới có thể duy trì được quy mô đàn bò và thị phần sữa trong nước, đó là: Nuôi tập trung thâm canh cao như các tập đoàn có tiềm năng lớn đang làm, và phát triển chăn nuôi trong các nông hộ chuyên nghiệp với quy mô giao động từ 20-100 con/hộ, lý tưởng là từ 30-50con/hộ, sẽ rất có hiệu quả, do tận dụng được nguồn lao động chăm chỉ trong nông thôn và nguồn phụ phẩm rất đa dạng trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến của Việt Nam mà không phải nước nào cũng có.

* Vấn đề quản lý sản xuất kinh doanh sữa và sản phẩm từ sữa của nước ta phải được xem xét, đánh giá lại một cách bài bản và trách nhiệm cho lâu dài, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, nhưng đây là lĩnh vực kinh doanh không chỉ tôn trọng pháp luật, mà rất cần tới đạo đức, trách nhiệm cộng đồng với người tiêu dùng và người chăn nuôi trong nước, đối tượng yếu thế nhất trong chuỗi sản phẩm hàng hóa đặc biệt này.

2. Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu sữa tươi của Việt Nam

Với mục tiêu phấn đấu, từ sau năm 2030 trở đi, Việt Nam có thể tự chủ được khoảng 60% nguồn nguyên liệu sữa tươi cho ngành công nghiệp sữa, để đến năm 2045 có thể đưa sản lượng sữa các loại/người của Việt Nam, đạt khoảng 100 kg/người/năm. Những chỉ tiêu này hoàn toàn có thể trở thành hiện thực, lý do:

- Không gian chăn nuôi và thị trường sữa của Việt Nam còn rất rộng lớn: So với các nước có nền chăn nuôi bò sữa phát triển và các nước có điều kiện tương đồng, thì không gian chăn nuôi bò và gia súc cho sữa của Việt Nam còn rất lớn. Quy mô đàn bò và gia súc cho sữa của nước ta hiện nay chưa tương xứng với điều kiện tự nhiên, tiềm năng lao động, khả năng đầu tư và thị trường tiêu thụ các loại sữa, sản phẩm từ sữa.

Bảng 2. Bình quân số bò sữa/1000 người dân năm 2024

Chỉ tiêu	Việt Nam	Thái Lan	Đài Loan	Nhật Bản	Hàn Quốc	Israel	Hà Lan
Đầu bò sữa (con)	330.000	722.658	120.706	1.313.000	381.000	125.000	1.540.000
Dân số (tr. người)	101,3	71,9	23,4	123,8	51,8	10,03	18,05
BQ bò/ 1000 N	3,3	10,05	5,16	10,6	7,4	12,5	85,3

Số lượng bò sữa bình quân/1.000 người dân của Việt Nam còn quá thấp: 3,3 con/1000 người, chỉ bằng 1/3 so với Thái Lan, Nhật Bản; gần bằng 1/2 so với Hàn Quốc; bằng 1/4 so với Israel và chỉ bằng 1/26 so với Hà Lan.

Rõ ràng là quy mô đàn bò sữa của Việt Nam là chưa tương xứng với tiềm năng của nước ta. Nếu xét về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội, thì Việt Nam hiện nay có không gian chăn nuôi gia súc cho sữa lớn hơn Nhật Bản và Israel. Chúng ta hoàn toàn có thể đưa được đàn bò sữa lên gấp 4-5 lần so với con số hiện nay trong những năm 2030, nghĩa là khi đó đàn bò sữa trong nước có thể đạt từ 1,3-1,5 triệu con và sản lượng sữa tươi nguyên liệu có thể đạt từ 4,3-5,0 triệu tấn.

HỘI CHĂN NUÔI VIỆT NAM

